

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12 – 01 - 2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 533/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Tú A, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp TH A, xã HT, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn D, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lâm Tú A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh D kết hôn năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4/2021, anh D không quan tâm, lo lắng gia đình. Đến tháng 4/2022, vợ chồng đi Sài Gòn làm ăn để anh D sửa đổi, nhưng anh D vẫn không sửa đổi. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2022. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh D.

- Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Bùi Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị Tú A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lâm Tú A khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với anh Bùi Văn D là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Tú A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Tú A, anh D.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2020, chị Tú A và anh D kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Tú A và anh D được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị Tú A xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tuy nhiên anh D không có ý kiến. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định anh D không thật sự còn quan tâm hay tha thiết gì đến mối quan hệ hôn nhân với chị Tú A, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị Tú A và anh D đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Việc này được thể hiện là chị Tú A với anh D đã ly thân trong thời gian dài, đồng thời kể ngày chị Tú A nộp đơn yêu cầu ly hôn thì anh chị không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị Tú A với anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tú A về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Chị Tú A xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh D thì không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị Tú A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Tú A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lâm Tú A được ly hôn với anh Bùi Văn D.
2. Về án phí dân sự: Chị Lâm Tú A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013335 ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Lâm Tú A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Hòa Thành, TP. Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

